

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2019

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 28-3-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15-5-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 273 đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày ngày 10-3-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn C trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị N tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q (nay là thành phố Q) vào ngày 20-3-1988. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung rất nặng nề. Hiện ông và bà N không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn bà N.

Vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988, Nguyễn Thị BQ, sinh năm 1990 và Nguyễn Nga Mỹ D, sinh ngày 29-7-2004. Các cháu P, BQ đã thành niên nên ông không có yêu cầu gì, riêng cháu D giao cho bà N nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 02-5-2019 và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của ông C về việc tìm hiểu, kết hôn và con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông C có quan hệ ngoại tình nên hạnh phúc gia đình không yên ổn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Trước đây bà không đồng ý ly hôn, nay tại phiên tòa, bà đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn.

Về con chung: Các cháu P, BQ đã thành niên nên bà không có yêu cầu gì, riêng cháu D hiện đang ở với bà, nhưng bà không có nghề nghiệp, chỗ ở không ổn định nên không đồng ý nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn C và bà Huỳnh Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Q (nay là thành phố Q) vào ngày 20-3-1988 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông C và bà N trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, do đó căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa ông C và bà N trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; ông C yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[2.2] Ông C và bà N có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988, Nguyễn Thị BQ, sinh năm 1990 và Nguyễn Nga Mỹ D, sinh ngày 29-7-2004. Các cháu P, BQ đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu D có nguyện vọng muốn sống với ba nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Ông C và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và điều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Ông C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Ông Nguyễn C được ly hôn bà Huỳnh Thị N.
2. Giao cháu Nguyễn Nga Mỹ D, sinh ngày 29-7-2004 cho ông Nguyễn C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Ông Nguyễn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001122 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh